Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3005.10.10

Mã HS	3005.10.10
Mô tả hàng hóa	Bông, gạc, băng và các sản phẩm tương tự (ví dụ, băng để băng bó, cao dán, thuốc đắp), đã thấm tẩm hoặc tráng phủ dược chất hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ dùng cho y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y / - Băng dán và các sản phẩm khác có một lớp dính: / - - Đã tráng phủ hoặc thấm tẩm dược chất
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 07:51:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30051010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	12	12%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4661
Thuế NK ưu đãi (MFN)	8	8%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4661
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4661
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,8	0,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,8	0,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4584
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4545
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4545
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4545
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4545
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4545
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4545
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4583
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4583
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4583
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4583

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4583
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4583
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4587
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4587
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4587
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4587
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4587
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4587
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4587
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4551
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4547
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4547
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4547
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4547
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4547
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4547
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4547
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4547
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4547
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4547
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4547
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4547
VCFTA	2022	2022	5	VC!D4594
VCFTA	2023	2023	5	VC!E4594
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4594
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4594

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4594
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4594
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4591
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4591
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4591
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4591
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4591
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4591
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4599
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4599
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4599
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4599
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4599
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4599
EVFTA	2022	2022	4,3	EV-NK!D4570
EVFTA	2023	2023	3,5	EV-NK!E4570
EVFTA	2024	2024	2,6	EV-NK!F4570
EVFTA	2025	2025	1,7	EV-NK!G4570
EVFTA	2026	2026	0,8	EV-NK!H4570
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4570
UKVFTA	2022	2022	4,3	UKV!D4572
UKVFTA	2023	2023	3,5	UKV!E4572
UKVFTA	2024	2024	2,6	UKV!F4572
UKVFTA	2025	2025	1,7	UKV!G4572
UKVFTA	2026	2026	0,8	UKV!H4572
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4572

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4570
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4570
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4570
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4570
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4570
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4570
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4570
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4591
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4591
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4591
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4591
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4591
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4591
RCEP B	2022	2022	0	B!D4591
RCEP B	2023	2023	0	B!E4591
RCEP B	2024	2024	0	B!F4591
RCEP B	2025	2025	0	B!G4591
RCEP B	2026	2026	0	B!H4591
RCEP B	2027	2027	0	B!I4591
RCEP C	2022	2022	0	C!D4591
RCEP C	2023	2023	0	C!E4591
RCEP C	2024	2024	0	C!F4591
RCEP C	2025	2025	0	C!G4591
RCEP C	2026	2026	0	C!H4591
RCEP C	2027	2027	0	C!I4591
RCEP D	2022	2022	0	D!D4591

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4591
RCEP D	2024	2024	0	D!F4591
RCEP D	2025	2025	0	D!G4591
RCEP D	2026	2026	0	D!H4591
RCEP D	2027	2027	0	D!I4591
RCEP E	2022	2022	0	E!D4594
RCEP E	2023	2023	0	E!E4594
RCEP E	2024	2024	0	E!F4594
RCEP E	2025	2025	0	E!G4594
RCEP E	2026	2026	0	E!H4594
RCEP E	2027	2027	0	E!I4594
RCEP F	2022	2022	0	F!D4591
RCEP F	2023	2023	0	F!E4591
RCEP F	2024	2024	0	F!F4591
RCEP F	2025	2025	0	F!G4591
RCEP F	2026	2026	0	F!H4591
RCEP F	2027	2027	0	F!I4591
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4232
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4232
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4232
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4232

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc dạng phối hợp XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM9)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3005.10 có 2 dòng thuế; dòng 3005.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đã tráng phủ hoặc thấm tẩm dược chất.	3005.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3005.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 8% của mã 3005.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4661), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc dạng phối hợp XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.